

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.N

Căn cứ Điều 212 và khoản 4 Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 80, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 19-7-2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Ông V.K.A**, sinh năm 1972. Hộ chiếu số N2260*** do Đại sứ quán Việt Nam tại C.H.L.B.Đ cấp ngày 09-12-2020. Địa chỉ: M.L.10 16303 S, CHLB Đ. Về Việt Nam tạm trú tại: Số nhà 21 ngách 219 ngõ 97/5 tổ 5, phường Đ.C, quận H.M, Thành phố H.N.

- **Bà N.T.T**, sinh năm 1977. Chứng minh nhân dân số 001177000*** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07-3-2013. Địa chỉ: Số nhà 21 ngách 219/97/5, tổ 5, phường Đ.C, quận H.M, Thành phố H.N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông V.K.A và bà N.T.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H.N ngày 23-4-2013 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, thường mâu thuẫn, cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Nay ông V.K.A và bà N.T.T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn, thống nhất thỏa thuận về con chung, tài sản chung. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Các đương sự thống nhất về việc giải quyết toàn bộ việc ly hôn, cụ thể:

- Ông V.K.A và bà N.T.T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông V.K.A và bà N.T.T có 01 con chung là V.T.P, sinh ngày 03-12-2021. Khi ly hôn, ông bà thống nhất thỏa thuận giao con chung là V.T.P cho bà N.T.T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng thống nhất thỏa thuận về việc ông V.K.A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) /tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về lệ phí: Bà N.T.T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20-7-2023, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông V.K.A và bà N.T.T thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông V.K.A và bà N.T.T chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông V.K.A và bà N.T.T có 01 con chung là V.T.P, sinh ngày 03-12-2021. Khi ly hôn, ghi nhận sự thỏa thuận của ông K.A và bà T: Giao con chung là V.T.P cho bà N.T.T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông V.K.A tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với bà N.T.T số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) /tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Ông V.K.A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận bà N.T.T tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001954 ngày 19-7-2023 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.N. Bà N.T.T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. H.N;
- UBND TP. Hà Nội;
- Cục Thi hành án dân sự TP. H.N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Hoàng Chí Nguyễn